



## **TIỂU SỬ TÓM TẮT CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI**

1. Họ và tên thường dùng: **NGÔ TUẤN ANH**
2. Họ và tên khai sinh: **NGÔ TUẤN ANH**
- Các bí danh/tên gọi khác (nếu có): Không
3. Ngày, tháng, năm sinh: **06/10/1972**
4. Giới tính: **Nam**
5. Quốc tịch: Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác
6. Nơi đăng ký khai sinh: **Xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Quang Minh, thành phố Hà Nội)**
7. Quê quán: **Xã Quang Minh, thành phố Hà Nội**
8. Nơi đăng ký thường trú: **Số nhà 23, Tổ dân phố 11B, phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên**  
Nơi ở hiện nay: **Như trên**
9. Dân tộc: **Kinh**
10. Tôn giáo: **Không**
11. Trình độ:
  - Giáo dục phổ thông: **12/12 phổ thông**
  - Chuyên môn, nghiệp vụ: **Đại học chuyên ngành Chỉ huy Tham mưu**
  - Học vị: **Học hàm:**
  - Lý luận chính trị: **Cao cấp**
  - Ngoại ngữ: **Không**
12. Nghề nghiệp hiện nay: **Bộ đội**
13. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: **Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên**
14. Nơi công tác: **Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên**
15. Ngày vào Đảng: **07/11/1993**
  - Ngày chính thức: **07/11/1994**
  - Chức vụ trong Đảng: **Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh Thái Nguyên**
  - Ngày ra khỏi Đảng (nếu có): **Lý do ra khỏi Đảng:**
16. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể:
  - Tên tổ chức đoàn thể: **- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:**
17. Tình trạng sức khỏe: **Tốt**
18. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: **Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Quân kỳ quyết thắng; 08 bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; 04 bằng khen của Bộ, ngành Trung ương**
19. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): **Không bị kỷ luật, không có án tích**
20. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):
21. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):

## TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian                          | Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác<br>(Chính quyền, Đảng, đoàn thể)   |
|------------------------------------|--|
| Từ tháng 3/1990 đến tháng 6/1990   | Binh nhì, Chiến sĩ, Đại đội 33, Tiểu đoàn 3, Lữ 380, Bộ Tư lệnh Pháo binh  |
| Từ tháng 7/1990 đến tháng 01/1992  | Binh nhất, Chiến sĩ, Trung đội Hậu cần, Tiểu đoàn 1, Lữ 380, Bộ Tư lệnh Pháo binh  |
| Từ tháng 02/1992 đến tháng 8/1992  | Hạ sĩ, Học viên, dự khoá văn hoá Trường Sĩ quan Pháo binh  |
| Từ tháng 9/1992 đến tháng 01/1993  | Trung sĩ, Học viên liên kết khoá 3, Trường Sĩ quan Lục quân 1  |
| Từ tháng 02/1993 đến tháng 7/1995  | Thượng sĩ, Đảng viên, Học viên, Đại đội 31, Tiểu đoàn 3, Trường Sĩ quan Pháo binh  |
| Từ tháng 8/1995 đến tháng 12/1997  | Thiếu úy, Đảng viên, Đội trưởng phóng, Đại đội 12, Tiểu đoàn 1, Lữ 380, Bộ Tư lệnh Pháo binh   |
| Từ tháng 01/1998 đến tháng 5/1998  | Trung úy, Đảng viên, Đội trưởng phóng, Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Kho K 380, Bộ Tư lệnh Pháo binh   |
| Từ tháng 6/1998 đến tháng 02/2000  | Trung úy, Chi ủy viên, Phó Đại đội trưởng quân sự, Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Kho K 380, Bộ Tư lệnh Pháo binh   |
| Từ tháng 3/2000 đến tháng 3/2007   | Thượng úy, Đại úy, Đảng viên, Trợ lý Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1   |
| Từ tháng 4/2007 đến tháng 8/2009   | Thiếu tá, Đảng viên, Trợ lý Tác huấn, Ban Chỉ huy quân sự huyện Na Rì, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1   |
| Từ tháng 9/2009 đến tháng 9/2011   | Thiếu tá, Bí thư chi bộ, Phó Tham mưu trưởng, Ban Chỉ huy quân sự huyện Na Rì, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1   |
| Từ tháng 10/2011 đến tháng 7/2015  | Trung tá, Đảng ủy viên Đảng ủy Quân sự huyện, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng, Ban Chỉ huy quân sự huyện Na Rì, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1                    |
| Từ tháng 8/2015 đến tháng 01/2018  | Trung tá, Thượng tá, Đảng ủy viên Đảng ủy Phòng Tham mưu, Trưởng ban Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1   |
| Từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018  | Thượng tá, Đảng viên, Học viên, Hoàn thiện chỉ huy - tham mưu quân sự huyện, Học viện Lục quân ( <i>tháng 02/2018 Chỉ huy trưởng/Ban Chỉ huy quân sự huyện Na Rì</i> )                 |
| Từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018  | Thượng tá, Đảng viên, Học viên, Hoàn chỉnh cao cấp Lý luận chính trị, Học viện Lục quân  |
| Từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2020 | Thượng tá, Đảng ủy viên Đảng ủy Quân sự huyện, Chỉ huy trưởng, Ban Chỉ huy quân sự huyện Na Rì, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1  |
| Từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2024  | Thượng tá, Đảng ủy viên Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Phòng Tham mưu, Phó Tham mưu trưởng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1                           |
| Từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2025   | Thượng tá, Đại tá, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Phó Bí thư Đảng ủy Phòng Tham mưu, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1 |
| Từ tháng 6/2025 đến nay            | Đại tá, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Bí thư Đảng ủy quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, Quân khu 1   |

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 01 năm 2026

(Đã ký)

**Ngô Tuấn Anh**